

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570220	Ngô Diệu Linh	29/08/2006	A5	P01							8.802
2	570063	Trịnh Thị Quý Bình	05/04/2006	A5	P01							8.800
3	570255	Đỗ Thị Xuân Mai	17/08/2006	A2	P01							8.790
4	570232	Phạm Thị Linh	29/07/2006	A5	P01							8.785
5	570252	Hoàng Thị Lương	04/05/2006	A2	P01							8.768
6	570062	Trần Phạm Hải Bình	24/12/2006	A5	P01							8.767
7	570303	Trần Bích Ngọc	15/06/2006	A6	P01							8.752
8	570053	Bùi Gia Bảo	15/12/2006	A5	P01							8.740
9	570490	Lê Hải Yến	03/11/2006	A2	P01							8.728
10	570122	Hoàng Hương Giang	24/11/2006	A1	P01							8.717
11	570060	Lưu Quốc Bình	06/11/2006	A5	P01							8.670
12	570485	Nguyễn Thị Khánh Vy	03/06/2006	A5	P01							8.658
13	570189	Đỗ Tuấn Hưng	21/01/2006	A2	P01							8.648
14	570054	Nguyễn Gia Bảo	22/11/2006	A1	P01							8.620
15	570085	Nguyễn Văn Duy	07/10/2006	A2	P01							8.603
16	570121	Đinh Vũ Hương Giang	30/08/2006	A1	P01							8.603
17	570194	Nguyễn Tuấn Hưng	21/10/2006	A2	P01							8.603
18	570003	Nguyễn Thị Ngân An	11/03/2006	A5	P01							8.592
19	570020	Ngô Phương Anh	04/08/2006	A2	P01							8.587
20	570185	Lê Thị Ngọc Huyền	28/01/2006	A2	P01							8.587
21	570483	Nguyễn Gia Vương	22/11/2006	A5	P01							8.575
22	570179	Đỗ Quang Huy	23/09/2006	A2	P01							8.550
23	570451	Nguyễn Thị Thu Trang	22/11/2006	A2	P01							8.537
24	570326	Vũ Thị Hồng Nhung	09/03/2006	A5	P01							8.500

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570242	Vũ Trang Thùy Linh	14/02/2006	A5	P02							8.470
2	570076	Phạm Huyền Diệu	29/10/2006	A5	P02							8.467
3	570008	Bùi Thị Mai Anh	21/06/2006	A2	P02							8.458
4	570276	Nguyễn Công Minh	06/09/2006	A2	P02							8.448
5	570292	Phạm Thanh Ngân	17/09/2006	A2	P02							8.423
6	570048	Nguyễn Ngọc Ánh	21/02/2006	A5	P02							8.412
7	570010	Đào Thị Mai Anh	09/11/2006	A2	P02							8.400
8	570417	Vũ Đức Thiện	11/01/2006	A1	P02							8.390
9	570075	Vũ Quỳnh Diệp	12/02/2006	A6	P02							8.357
10	570414	Vũ Thị Thu Thảo	15/03/2006	A4	P02							8.287
11	570482	Trần Anh Vũ	19/01/2006	A2	P02							8.282
12	570279	Tạ Quang Minh	11/11/2006	A5	P02							8.257
13	570313	Lê Văn Nhật	14/05/2006	A1	P02							8.250
14	570033	Nguyễn Thị Vân Anh	27/09/2006	A2	P02							8.237
15	570305	Vũ Hoàng Minh Ngọc	17/10/2006	A2	P02							8.217
16	570215	Đỗ Thị Phương Linh	29/07/2006	A3	P02							8.202
17	570120	Đặng Quỳnh Giang	09/09/2006	A5	P02							8.183
18	570144	Trần Thanh Hằng	20/10/2006	A2	P02							8.175
19	570372	Phan Như Quỳnh	29/01/2006	A3	P02							8.158
20	570411	Thân Thị Thảo	11/09/2006	A5	P02							8.158
21	570364	Nguyễn Dương Quỳnh	30/10/2006	A2	P02							8.153
22	570166	Nguyễn Huy Hoàng	20/06/2006	A2	P02							8.123
23	570369	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	13/02/2006	A6	P02							8.118
24	570188	Bùi Quang Hưng	06/02/2006	A4	P02							8.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570209	Trịnh Tuấn Kiệt	29/12/2006	A5	P03							7.975
2	570314	Nguyễn Đức Nhật	26/01/2006	A3	P03							7.967
3	570432	Phan Thị Minh Thư	25/08/2006	A3	P03							7.958
4	570113	Phạm Minh Đức	25/01/2006	A6	P03							7.945
5	570334	Nguyễn Tuấn Phong	31/08/2006	A6	P03							7.940
6	570293	Phạm Thùy Ngân	18/05/2006	A3	P03							7.920
7	570395	Bùi Minh Thành	01/11/2006	A5	P03							7.917
8	570095	Vũ Thiên Dương	15/11/2006	A3	P03							7.912
9	570484	Nguyễn Hà Khánh Vy	16/12/2006	A6	P03							7.882
10	570474	Lương Thị Thảo Vân	19/11/2006	A6	P03							7.878
11	570142	Nguyễn Thị Mỹ Hào	24/07/2006	A2	P03							7.867
12	570231	Park Huyền Linh	02/03/2006	A5	P03							7.862
13	570462	Nguyễn Văn Trúc	09/01/2006	A2	P03							7.860
14	570493	Nguyễn Thị Hải Yến	04/01/2006	A3	P03							7.850
15	570208	Lương Đăng Kiên	05/04/2006	A3	P03							7.845
16	570448	Mai Huyền Trang	08/07/2006	A1	P03							7.837
17	570032	Nguyễn Thị Vân Anh	06/05/2006	A3	P03							7.823
18	570091	Nguyễn Đức Dương	03/09/2006	A1	P03							7.812
19	570080	Hà Việt Dũng	10/01/2006	A5	P03							7.802
20	570336	Bùi Mai Phương	27/09/2006	A2	P03							7.800
21	570099	Phùng Cao Đạt	22/11/2006	A5	P03							7.793
22	570190	Lê Vũ Khánh Hưng	31/12/2006	A4	P03							7.790
23	570440	Bùi Thị Quỳnh Trang	14/09/2006	A3	P03							7.785
24	570158	Nguyễn Minh Hiếu	21/11/2006	A2	P03							7.778

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570359	Đào Lệ Quyên	03/11/2006	A5	P04							7.745
2	570081	Nguyễn Chí Dũng	03/11/2006	A5	P04							7.742
3	570160	Trần Xuân Hiếu	31/12/2006	A3	P04							7.737
4	570195	Phạm Duy Hưng	04/09/2006	A3	P04							7.727
5	570413	Vũ Thị Thu Thảo	11/06/2006	A1	P04							7.715
6	570254	Đào Thị Lý	28/04/2006	A3	P04							7.708
7	570396	Bùi Thu Thảo	04/01/2006	A4	P04							7.708
8	570111	Nguyễn Hoàng Đức	12/10/2006	A3	P04							7.698
9	570017	Lưu Tiến Anh	04/02/2006	A3	P04							7.695
10	570090	Nguyễn Anh Thái Dương	15/08/2006	A5	P04							7.692
11	570105	Bùi Minh Đức	20/10/2006	A1	P04							7.690
12	570078	Bùi Việt Dũng	19/12/2006	A6	P04							7.682
13	570101	Cao Phạm Hải Đăng	02/01/2006	A5	P04							7.677
14	570181	Nguyễn Ngọc Huy	25/07/2006	A6	P04							7.665
15	570096	Đào Tiến Đạt	15/08/2006	A5	P04							7.657
16	570207	Lương Vũ Khoa	14/07/2006	A5	P04							7.652
17	570225	Nguyễn Thị Ngọc Linh	06/11/2006	A6	P04							7.640
18	570330	Trần Tuấn Phát	23/12/2006	A6	P04							7.637
19	570108	Ngô Văn Đức	06/07/2006	A6	P04							7.633
20	570073	Nguyễn Bùi Ngọc Diệp	31/08/2006	A4	P04							7.620
21	570002	Nguyễn Thế An	30/10/2005	A2	P04							7.603
22	570472	Bùi Thị Thanh Vân	22/04/2006	A4	P04							7.603
23	570352	Nguyễn Thế Quang	20/02/2006	A6	P04							7.602
24	570325	Trịnh Phương Nhung	17/06/2006	A6	P04							7.583

Ghi chú: - Thi sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570041	Phan Thị Ngọc Anh	11/12/2006	A6	P05							7.582
2	570409	Phạm Phương Thảo	25/06/2006	A1	P05							7.573
3	570044	Võ Hoàng Anh	25/09/2006	A2	P05							7.545
4	570311	Nguyễn Đăng Minh Nhất	17/06/2006	A5	P05							7.543
5	570174	Lê Việt Hùng	03/02/2006	A2	P05							7.520
6	570176	Nguyễn Việt Hùng	23/03/2006	A6	P05							7.515
7	570399	Giang Phương Thảo	07/01/2006	A4	P05							7.502
8	570151	Vũ Minh Hiền	13/12/2006	A5	P05							7.487
9	570202	Đoàn Quốc Khánh	20/08/2006	A6	P05							7.478
10	570481	Nguyễn Lâm Vũ	13/11/2005	A3	P05							7.462
11	570263	Tăng Thị Phương Mai	29/11/2006	A5	P05							7.440
12	570416	Nguyễn Phú Thiện	06/02/2006	A4	P05							7.432
13	570084	Đỗ Xuân Duy	07/08/2006	A3	P05							7.420
14	570107	Lê Minh Đức	26/07/2006	A6	P05							7.418
15	570355	Vũ Minh Quân	10/08/2006	A5	P05							7.417
16	570184	Vũ Thanh Huy	12/09/2006	A3	P05							7.408
17	570236	Phùng Thị Tú Linh	26/03/2006	A6	P05							7.402
18	570038	Phạm Phương Anh	06/10/2006	A5	P05							7.400
19	570345	Nguyễn Thu Phương	30/05/2006	A4	P05							7.398
20	570337	Bùi Thanh Phương	04/01/2006	A4	P05							7.392
21	570480	Nguyễn Anh Vũ	23/10/2006	A3	P05							7.385
22	570469	Nguyễn Anh Tuấn	17/03/2006	A6	P05							7.378
23	570308	Nguyễn Thị Nhân	12/01/2006	A4	P05							7.375
24	570018	Lưu Tuấn Anh	04/02/2006	A3	P05							7.373

Ghi chú: - Thi sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

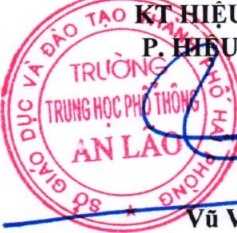
KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570057	Bùi Ngọc Bích	01/07/2006	A4	P06							7.373
2	570015	Lê Kỳ Anh	25/01/2006	A2	P06							7.370
3	570286	Trần Thành Nam	18/12/2006	A2	P06							7.370
4	570441	Cao Bùi Huyền Trang	04/02/2006	A3	P06							7.365
5	570104	Nguyễn Duy Đông	02/02/2006	A4	P06							7.358
6	570332	Nguyễn Hồng Phong	05/06/2006	A3	P06							7.357
7	570344	Nguyễn Nam Phương	13/09/2006	A3	P06							7.348
8	570127	Nguyễn Thùy Giang	15/12/2006	A6	P06							7.343
9	570312	Bùi Đức Nhật	24/02/2006	A4	P06							7.337
10	570256	Hoàng Thị Xuân Mai	24/02/2006	A5	P06							7.324
11	570186	Nguyễn Khánh Huyền	09/11/2006	A4	P06							7.318
12	570137	Bùi Ngọc Hải	17/06/2006	A4	P06							7.312
13	570380	Nguyễn Hồng Sơn	18/05/2006	A6	P06							7.282
14	570100	Bùi Đình Hải Đăng	19/04/2006	A3	P06							7.273
15	570250	Đỗ Duy Lợi	29/09/2006	A2	P06							7.273
16	570055	Đặng Xuân Bắc	01/10/2006	A3	P06							7.267
17	570454	Vũ Hải Trang	06/09/2006	A3	P06							7.257
18	570273	Đoàn Nhật Minh	17/06/2006	A4	P06							7.257
19	570422	Nguyễn Phúc Thuận	05/05/2006	A5	P06							7.233
20	570435	Dương Đức Tiến	08/06/2006	A1	P06							7.233
21	570028	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/09/2006	A3	P06							7.228
22	570466	Phạm Tuấn Tú	01/11/2006	A3	P06							7.217
23	570204	Phạm Duy Khánh	06/09/2006	A4	P06							7.198
24	570071	Bùi Đức Cường	22/06/2006	A2	P06							7.185

Ghi chú: - Thi sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570376	Bùi Hoàng Sơn	19/06/2006	A6	P07							7.182
2	570109	Nguyễn Anh Đức	16/04/2006	A3	P07							7.178
3	570177	Văn Đức Huy Hùng	21/02/2006	A4	P07							7.164
4	570449	Ngô Quỳnh Trang	12/10/2006	A6	P07							7.127
5	570443	Đặng Thùy Trang	10/09/2006	A4	P07							7.103
6	570461	Đào Việt Trọng	21/08/2006	A3	P07							7.092
7	570112	Phạm Hải Đức	01/08/2006	A2	P07							7.067
8	570157	Nguyễn Minh Hiếu	07/12/2006	A3	P07							7.052
9	570136	Đặng Thị Hạ	14/12/2006	A2	P07							7.043
10	570434	Vũ Hồng Thương	11/07/2006	A5	P07							7.033
11	570138	Phạm Hoàng Hải	07/11/2006	A2	P07							7.033
12	570386	Vũ Thanh Tâm	01/09/2006	A6	P07							7.015
13	570438	Ngô Thị Thu Trà	01/02/2006	A6	P07							7.012
14	570375	Phạm Thanh Sang	15/12/2006	A6	P07							6.993
15	570437	Đỗ Việt Toàn	23/02/2006	A4	P07							6.967
16	570257	Hoàng Thị Yến Mai	31/03/2006	A3	P07							6.965
17	570278	Phan Bình Minh	28/02/2006	A2	P07							6.960
18	570248	Nguyễn Việt Long	06/12/2006	A3	P07							6.945
19	570465	Lê Bùi Cẩm Tú	27/08/2006	A6	P07							6.945
20	570086	Trần Khánh Duy	14/06/2006	A2	P07							6.940
21	570388	Nguyễn Đức Thái	19/03/2006	A4	P07							6.917
22	570025	Nguyễn Phương Anh	21/03/2006	A6	P07							6.907
23	570210	Phạm Đình Kỳ	20/05/2006	A4	P07							6.887
24	570377	Đỗ Minh Sơn	01/01/2006	A5	P07							6.887

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570379	Nguyễn Hoàng Sơn	22/05/2006	A4	P08							6.870
2	570390	Phạm Duy Thái	24/12/2006	A3	P08							6.865
3	570070	Phạm Đức Chính	30/07/2006	A2	P08							6.845
4	570141	Hoàng Nhật Hào	02/09/2006	A6	P08							6.835
5	570442	Dương Thị Thu Trang	29/01/2006	A3	P08							6.832
6	570281	Nguyễn Thị Kiều My	13/05/2006	A4	P08							6.807
7	570268	Vũ Thị Ngọc Mai	19/08/2006	A3	P08							6.798
8	570004	Trần Ngọc An	12/12/2006	A1	P08							6.775
9	570284	Đỗ Thành Nam	02/10/2006	A6	P08							6.752
10	570270	Dương Thế Mạnh	24/08/2006	A5	P08							6.742
11	570389	Nguyễn Xuân Thái	05/05/2005	A3	P08							6.727
12	570152	Phú Quang Hiệp	20/11/2006	A2	P08							6.710
13	570253	Nguyễn Khánh Ly	30/11/2006	A6	P08							6.707
14	570358	Bùi Xuân Quý	21/02/2006	A6	P08							6.678
15	570470	Nguyễn Bá Tuấn	26/08/2006	A3	P08							6.670
16	570134	Trịnh Thu Hà	14/06/2006	A3	P08							6.630
17	570155	Mai Công Hiếu	02/01/2006	A4	P08							6.620
18	570221	Nguyễn Khánh Linh	28/03/2006	A3	P08							6.608
19	570066	Phạm Lan Chi	20/10/2006	A4	P08							6.590
20	570318	Đào Hoàng Nhiên	09/12/2006	A3	P08							6.557
21	570391	Vũ Duy Thái	05/01/2006	A6	P08							6.502
22	570280	Vũ Bình Minh	29/08/2006	A4	P08							6.493
23	570327	Vũ Thị Hồng Nhung	12/10/2006	A6	P08							6.490
24	570163	Nguyễn Thị Thu Hoài	24/10/2006	A4	P08							6.458

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570346	Phan Minh Phương	17/10/2006	A5	P09							6.414
2	570161	Nguyễn Thái Hiệu	24/09/2006	A1	P09							6.400
3	570148	Phạm Thị Thu Hiền	21/06/2006	A6	P09							6.370
4	570115	Trần Tân Việt Đức	15/12/2006	A3	P09							6.365
5	570088	Cao Trường Dương	15/12/2006	A3	P09							6.362
6	570154	Lương Duy Hiếu	09/01/2006	A1	P09							6.345
7	570132	Phạm Thị Ngọc Hà	06/01/2006	A6	P09							6.343
8	570083	Phan Tuấn Dũng	09/07/2006	A4	P09							6.335
9	570156	Nguyễn Duy Hiếu	15/03/2006	A6	P09							6.333
10	570266	Trịnh Ngọc Mai	24/01/2006	A4	P09							6.318
11	570238	Vũ Khánh Linh	13/06/2006	A4	P09							6.240
12	570335	Phùng Mạnh Phong	14/08/2006	A4	P09							6.225
13	570433	Nguyễn Thị Thanh Thương	18/08/2006	A4	P09							6.208
14	570056	Nguyễn Cao Bằng	31/05/2006	A4	P09							6.152
15	570476	Bùi Văn Việt	19/06/2006	A4	P09							6.123
16	570131	Nguyễn Thị Thu Hà	20/11/2006	A6	P09							6.078
17	570006	Bùi Hoàng Anh	16/01/2006	A4	P09							6.048
18	570180	Hoàng Quang Huy	20/07/2006	A3	P09							5.985
19	570165	Lê Minh Hoàng	30/01/2006	A4	P09							5.968
20	570249	Nhân Thành Long	25/02/2006	A4	P09							5.867
21	570036	Nguyễn Vũ Hoàng Anh	14/12/2006	A3	P09							5.860
22	570125	Nguyễn Thị Hương Giang	21/05/2006	A4	P09							5.812
23	570353	Trần Minh Quang	28/11/2006	A3	P09							5.807
24	570436	Phạm Minh Tiến	06/12/2006	A3	P09							5.790

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570123	Nguyễn Hương Giang	08/11/2006	A4	P10							5.752
2	570150	Đặng Vũ Minh Hiền	15/11/2006	A5	P10							5.720
3	570098	Lê Xuân Đạt	09/06/2006	A3	P10							5.658
4	570128	Phạm Trường Giang	17/10/2006	A4	P10							5.652
5	570106	Cao Minh Đức	24/01/2006	A4	P10							5.570
6	570167	Nguyễn Huy Hoàng	28/01/2006	A4	P10							5.553
7	570172	Nguyễn Bích Huệ	04/08/2006	A4	P10							5.507
8	570035	Nguyễn Tuấn Anh	17/03/2006	A5	P10							5.493
9	570130	Lưu Đức Thanh Hà	04/04/2006	A4	P10							5.335
10	570173	Hoàng Việt Hùng	16/06/2006	A4	P10							5.290
11	570223	Nguyễn Phương Linh	01/11/2006	A4	P10							5.225
12	570169	Nguyễn Xuân Hoàng	05/02/2006	A6	P10							5.187
13	570001	Đoàn Thị Mạc An	25/08/2006	A2	P10							0.000
14	570005	Trịnh Bình An	26/02/2006	A1	P10							0.000
15	570007	Bùi Ngọc Anh	05/02/2006	A6	P10							0.000
16	570014	Hoàng Thị Nhật Anh	05/09/2006	A1	P10							0.000
17	570021	Nguyễn Đức Anh	18/04/2006	A1	P10							0.000
18	570022	Nguyễn Hoàng Lan Anh	27/05/2006	A1	P10							0.000
19	570058	Nguyễn Thị Ngọc Bích	23/07/2006	A1	P10							0.000
20	570072	Nguyễn Mạnh Cường	19/12/2006	A2	P10							0.000
21	570079	Đào Nguyễn Hải Dũng	18/04/2006	A1	P10							0.000
22	570082	Nguyễn Việt Dũng	31/01/2006	A1	P10							0.000
23	570093	Nguyễn Vũ Thái Dương	18/01/2006	A1	P10							0.000
24	570097	Đỗ Đức Đạt	13/09/2006	A5	P10							0.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570102	Phạm Tiến Độ	29/10/2006	A6	P11							0.000
2	570118	Vũ Ngọc Đức	08/03/2006	A3	P11							0.000
3	570119	Đào Hương Giang	23/12/2006	A2	P11							0.000
4	570126	Nguyễn Thị Hương Giang	26/02/2006	A5	P11							0.000
5	570133	Trần Thu Hà	30/09/2006	A1	P11							0.000
6	570146	Nguyễn Quốc Hân	22/04/2006	A1	P11							0.000
7	570149	Vũ Thu Hiền	15/10/2006	A1	P11							0.000
8	570164	Phan Thị Thu Hoài	16/04/2006	A5	P11							0.000
9	570170	Phạm Duy Hải Hoàng	19/10/2006	A1	P11							0.000
10	570171	Lương Thu Huệ	26/09/2006	A1	P11							0.000
11	570178	Bùi Quang Huy	01/10/2006	A1	P11							0.000
12	570182	Nguyễn Phạm Gia Huy	03/01/2006	A1	P11							0.000
13	570183	Tạ Quang Huy	01/06/2006	A1	P11							0.000
14	570191	Nguyễn Đình Hưng	11/05/2006	A2	P11							0.000
15	570198	Trương Thị Mai Hương	16/08/2006	A1	P11							0.000
16	570199	Bùi Thị Thu Hường	14/02/2006	A1	P11							0.000
17	570205	Phú Quốc Khánh	15/10/2006	A1	P11							0.000
18	570216	Hoàng Khánh Linh	04/06/2006	A6	P11							0.000
19	570226	Nguyễn Thị Phương Linh	04/02/2006	A1	P11							0.000
20	570234	Phạm Trần Khánh Linh	01/12/2006	A1	P11							0.000
21	570237	Trần Vũ Mai Linh	22/01/2006	A1	P11							0.000
22	570239	Vũ Khánh Linh	29/08/2006	A1	P11							0.000
23	570260	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/12/2006	A1	P11							0.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

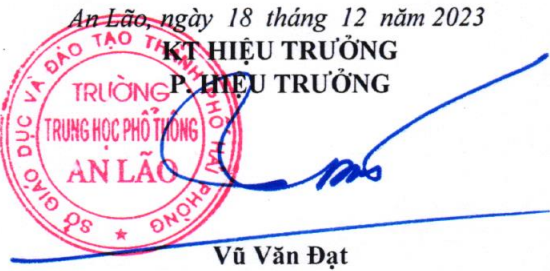
KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570269	Vũ Xuân Mai	11/11/2006	A1	P12							0.000
2	570272	Phạm Đức Mạnh	15/06/2006	A1	P12							0.000
3	570283	Phạm Thảo My	13/05/2006	A1	P12							0.000
4	570288	Bùi Thúy Nga	10/07/2006	A6	P12							0.000
5	570291	Nguyễn Thu Ngân	23/01/2006	A1	P12							0.000
6	570302	Tạ Minh Ngọc	23/12/2006	A1	P12							0.000
7	570316	Nguyễn Ánh Nhi	05/10/2006	A5	P12							0.000
8	570322	Nguyễn Thanh Nhung	11/07/2006	A6	P12							0.000
9	570339	Hoàng Thị Mai Phương	15/12/2006	A2	P12							0.000
10	570343	Nguyễn Minh Phương	11/09/2006	A2	P12							0.000
11	570354	Vũ Đức Quân	09/05/2006	A6	P12							0.000
12	570356	Vũ Minh Quân	25/02/2006	A6	P12							0.000
13	570381	Nguyễn Minh Sơn	07/07/2006	A1	P12							0.000
14	570398	Đồng Thị Thảo	16/06/2006	A1	P12							0.000
15	570402	Nguyễn Nguyễn Phương Thảo	06/04/2006	A6	P12							0.000
16	570406	Nguyễn Thị Thu Thảo	28/12/2006	A6	P12							0.000
17	570418	Đỗ Đức Thịnh	04/12/2006	A1	P12							0.000
18	570450	Nguyễn Thị Kiều Trang	03/12/2006	A5	P12							0.000
19	570456	Vũ Thùy Trang	25/01/2006	A6	P12							0.000
20	570458	Phạm Đức Trí	02/09/2006	A1	P12							0.000
21	570467	Đỗ Quang Tuấn	10/06/2006	A2	P12							0.000
22	570468	Bùi Minh Gia Tuấn	12/04/2006	A1	P12							0.000
23	570477	Nguyễn Tiến Việt	15/01/2006	A1	P12							0.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570309	Trần Thị Thu Nhân	30/06/2006	A9	P13							9.250
2	570265	Trịnh Hương Mai	01/06/2006	A7	P13							9.228
3	570294	Bùi Lê Bảo Ngọc	24/11/2006	A8	P13							9.167
4	570297	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	22/07/2006	A8	P13							9.133
5	570011	Đặng Quỳnh Anh	11/10/2006	A8	P13							9.112
6	570233	Phạm Thùy Linh	26/04/2006	A8	P13							9.100
7	570301	Phan Minh Ngọc	13/03/2006	A9	P13							9.083
8	570475	Trần Thị Khánh Vi	24/11/2006	A8	P13							9.053
9	570307	Đỗ Thị Thanh Nhân	03/10/2006	A9	P13							9.000
10	570244	Nguyễn Thị Hồng Loan	04/02/2006	A10	P13							8.982
11	570400	Hoàng Phương Thảo	08/05/2006	A8	P13							8.982
12	570290	Trần Thu Nga	02/02/2006	A9	P13							8.975
13	570427	Bồ Thanh Thủy	27/02/2006	A8	P13							8.967
14	570340	Lê Quỳnh Phương	01/05/2006	A9	P13							8.965
15	570492	Nguyễn Bảo Yến	03/09/2006	A9	P13							8.952
16	570034	Nguyễn Trúc Mai Anh	19/12/2006	A9	P13							8.903
17	570275	Lương Thu Minh	18/03/2006	A9	P13							8.893
18	570162	Nguyễn Thị Thúy Hòa	27/08/2006	A8	P13							8.870
19	570043	Trần Thảo Anh	04/06/2006	A8	P13							8.853
20	570471	Vũ Hạnh Uyên	09/01/2006	A8	P13							8.803
21	570069	Vũ Mai Chi	14/01/2006	A8	P13							8.792
22	570295	Lương Như Ngọc	28/11/2006	A10	P13							8.767
23	570347	Trần Thị Mai Phương	27/12/2006	A9	P13							8.758
24	570397	Đặng Phương Thảo	25/02/2006	A8	P13							8.735

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570299	Nguyễn Thị Yến Ngọc	27/09/2006	A9	P14							8.700
2	570306	Vũ Thị Ngọc	07/01/2006	A10	P14							8.700
3	570296	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22/01/2006	A9	P14							8.653
4	570426	Trần Lương Thanh Thúy	09/03/2006	A9	P14							8.650
5	570228	Nguyễn Thị Phương Linh	24/10/2006	A9	P14							8.637
6	570429	Hua Đình Thư	19/03/2006	A9	P14							8.617
7	570229	Nguyễn Thị Thùy Linh	04/06/2006	A9	P14							8.602
8	570074	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	12/12/2006	A8	P14							8.600
9	570139	Bùi Thị Hạnh	21/07/2006	A11	P14							8.598
10	570310	Đoàn Quách Hải Nhạn	15/03/2006	A8	P14							8.590
11	570494	Nguyễn Thị Hải Yến	19/09/2006	A10	P14							8.573
12	570392	Nguyễn Thị Phương Thanh	07/01/2006	A9	P14							8.568
13	570298	Nguyễn Thị Vân Ngọc	26/06/2006	A11	P14							8.565
14	570227	Nguyễn Thị Phương Linh	20/04/2006	A8	P14							8.545
15	570428	Hoàng Thị Ngọc Thư	04/10/2006	A7	P14							8.532
16	570282	Nguyễn Thị Trà My	13/07/2006	A8	P14							8.508
17	570045	Vũ Kim Anh	27/04/2006	A8	P14							8.502
18	570348	Vũ Quỳnh Phương	28/03/2006	A8	P14							8.482
19	570374	Vương Thúy Quỳnh	24/12/2006	A9	P14							8.468
20	570287	Vũ Hoàng Nam	27/06/2006	A8	P14							8.467
21	570304	Trần Thị Hồng Ngọc	27/02/2006	A10	P14							8.458
22	570245	Vũ Thị Kiều Loan	18/06/2006	A7	P14							8.457
23	570064	Bùi Kim Chi	16/07/2006	A10	P14							8.443
24	570168	Nguyễn Việt Hoàng	04/02/2006	A9	P14							8.435

Ghi chú: - *Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.*
- *Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I*

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570331	Hoàng Gia Phong	16/08/2006	A7	P15							8.418
2	570357	Nguyễn Thị Ngọc Quế	20/09/2006	A7	P15							8.385
3	570201	Bùi Quốc Khánh	02/09/2006	A9	P15							8.368
4	570037	Phạm Hoàng Anh	13/03/2006	A10	P15							8.357
5	570455	Vũ Thị Thu Trang	20/08/2006	A9	P15							8.317
6	570068	Vũ Linh Chi	15/08/2006	A7	P15							8.310
7	570094	Phạm Thùy Dương	16/09/2006	A10	P15							8.303
8	570419	Nguyễn Thị Thu	21/08/2005	A7	P15							8.292
9	570401	Nghiêm Thị Thanh Thảo	14/02/2006	A9	P15							8.283
10	570217	Hoàng Thùy Linh	22/09/2006	A10	P15							8.277
11	570445	Đỗ Thị Mai Trang	23/08/2006	A7	P15							8.265
12	570230	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/07/2006	A10	P15							8.252
13	570197	Nguyễn Thị Thu Hương	05/04/2006	A7	P15							8.240
14	570218	Lê Thị Khánh Linh	17/08/2006	A8	P15							8.227
15	570349	Đào Thị Mai Phượng	18/04/2006	A10	P15							8.218
16	570370	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	02/04/2006	A8	P15							8.212
17	570488	Nguyễn Thị Mai Xuân	17/08/2006	A10	P15							8.207
18	570277	Nguyễn Yến Minh	22/08/2006	A11	P15							8.200
19	570092	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/07/2006	A11	P15							8.173
20	570214	Đỗ Mai Linh	04/09/2006	A10	P15							8.167
21	570315	Lương Ngọc Tuyết Nhi	08/05/2006	A7	P15							8.167
22	570328	Lê Nguyễn Quỳnh Như	19/12/2006	A8	P15							8.167
23	570407	Nguyễn Trần Phương Thảo	09/07/2006	A11	P15							8.157

Ghi chú: - Thi sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570459	Đỗ Kiều Trinh	20/03/2006	A9	P16							8.153
2	570424	Nguyễn Thị Thúy	25/10/2006	A9	P16							8.150
3	570365	Nguyễn Như Quỳnh	14/12/2006	A9	P16							8.140
4	570453	Phùng Thị Quỳnh Trang	29/04/2006	A8	P16							8.120
5	570378	Lê Thanh Sơn	19/07/2006	A10	P16							8.118
6	570319	Bùi Trang Nhung	25/01/2006	A10	P16							8.112
7	570320	Lê Thị Nhung	17/01/2006	A10	P16							8.112
8	570350	Đoàn Thị Minh Phượng	21/07/2006	A8	P16							8.100
9	570143	Nguyễn Thị Hằng	02/05/2006	A7	P16							8.098
10	570479	Lương Minh Vũ	30/10/2006	A9	P16							8.095
11	570367	Nguyễn Như Quỳnh	27/05/2006	A11	P16							8.087
12	570363	Hoàng Như Quỳnh	19/06/2006	A9	P16							8.083
13	570261	Nguyễn Thị Xuân Mai	24/09/2006	A7	P16							8.082
14	570460	Nguyễn Thị Việt Trinh	30/05/2006	A11	P16							8.082
15	570262	Phạm Thúy Mai	05/08/2006	A9	P16							8.065
16	570243	Vương Thị Ngọc Linh	29/09/2006	A8	P16							8.060
17	570274	Lê Nguyệt Minh	10/06/2006	A7	P16							8.050
18	570341	Nguyễn Hà Phương	14/06/2006	A7	P16							8.048
19	570420	Phạm Thị Thu	20/07/2006	A11	P16							8.048
20	570473	Đỗ Vi Thảo Vân	04/09/2006	A7	P16							8.045
21	570224	Nguyễn Thị Bảo Linh	18/12/2006	A10	P16							8.043
22	570495	Võ Thị Hải Yến	10/07/2006	A8	P16							8.012
23	570213	Đoàn Thùy Linh	29/03/2006	A9	P16							8.003

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570135	Vũ Phúc Việt Hà	01/05/2006	A10	P17							7.985
2	570384	Nguyễn Minh Tâm	26/01/2006	A7	P17							7.983
3	570175	Nguyễn Bá Việt Hùng	05/12/2006	A9	P17							7.982
4	570259	Nguyễn Thị Mai	19/07/2006	A10	P17							7.942
5	570487	Đỗ Thị Xuân	12/12/2006	A11	P17							7.933
6	570385	Nguyễn Thị Tâm	06/08/2006	A10	P17							7.910
7	570029	Nguyễn Thị Ngọc Anh	23/11/2006	A9	P17							7.892
8	570219	Lương Khánh Linh	01/07/2006	A7	P17							7.883
9	570382	Vũ Xuân Sơn	28/07/2006	A9	P17							7.850
10	570300	Phạm Bích Ngọc	07/12/2006	A11	P17							7.817
11	570362	Hà Ngọc Quỳnh	26/11/2006	A11	P17							7.803
12	570285	Lê Hoàng Nam	18/11/2006	A7	P17							7.792
13	570114	Phạm Minh Đức	28/04/2006	A10	P17							7.762
14	570366	Nguyễn Như Quỳnh	20/12/2006	A10	P17							7.757
15	570089	Ngô Thị Quỳnh Dương	19/06/2006	A9	P17							7.752
16	570321	Nguyễn Cẩm Nhung	19/05/2006	A7	P17							7.750
17	570338	Đỗ Tiểu Phương	02/10/2006	A8	P17							7.750
18	570431	Nguyễn Thị Anh Thư	07/11/2006	A10	P17							7.668
19	570317	Zhou Xue Er (C.Tuyết Nhi)	16/03/2006	A11	P17							7.632
20	570240	Vũ Phương Linh	18/09/2006	A11	P17							7.627
21	570052	Nguyễn Thị Thu Ba	17/02/2006	A11	P17							7.592
22	570271	Đào Viết Mạnh	22/04/2006	A7	P17							7.587
23	570040	Phan Ngọc Anh	25/01/2006	A10	P17							7.567

Ghi chú: - *Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.*
- *Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I*

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570423	Nguyễn Thị Thúy	20/04/2006	A11	P18							7.565
2	570235	Phan Thị Thùy Linh	25/10/2006	A11	P18							7.562
3	570439	Nguyễn Thu Trà	22/10/2006	A7	P18							7.528
4	570193	Nguyễn Thế Hưng	20/10/2006	A11	P18							7.520
5	570203	Nguyễn Quốc Khánh	01/01/2006	A7	P18							7.520
6	570324	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	24/11/2006	A10	P18							7.517
7	570039	Phạm Phương Anh	18/10/2006	A9	P18							7.503
8	570412	Trần Phương Thảo	12/04/2006	A10	P18							7.503
9	570200	Trần Khánh Hường	04/05/2006	A7	P18							7.483
10	570463	Nguyễn Thành Trung	26/01/2006	A7	P18							7.448
11	570030	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/04/2006	A7	P18							7.433
12	570047	Lê Ngọc Ánh	16/08/2006	A9	P18							7.432
13	570444	Đỗ Huyền Trang	04/07/2006	A7	P18							7.417
14	570013	Đỗ Thị Mai Anh	26/11/2006	A7	P18							7.387
15	570267	Vũ Thị Ngọc Mai	09/06/2006	A11	P18							7.377
16	570452	Phạm Thị Quỳnh Trang	18/03/2006	A10	P18							7.377
17	570447	Đỗ Thùy Trang	19/03/2006	A11	P18							7.362
18	570212	Phạm Ngọc Lan	20/11/2006	A11	P18							7.358
19	570246	Hoàng Hải Long	02/03/2006	A11	P18							7.335
20	570361	Bùi Như Quỳnh	26/10/2006	A11	P18							7.328
21	570206	Phùng Nam Khánh	16/09/2006	A7	P18							7.323
22	570430	Nguyễn Minh Thư	25/04/2006	A7	P18							7.310
23	570077	Nguyễn Thị Ngọc Doanh	02/02/2006	A7	P18							7.287

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570027	Nguyễn Thị Hà Anh	10/06/2004	A11	P19							7.285
2	570129	Phùng Thị Hương Giang	18/09/2006	A7	P19							7.258
3	570147	Vũ Thị Minh Hậu	19/08/2006	A11	P19							7.253
4	570333	Nguyễn Tuấn Phong	22/01/2006	A9	P19							7.253
5	570373	Tổng Ngọc Quỳnh	09/08/2006	A11	P19							7.240
6	570117	Vũ Minh Đức	20/10/2006	A10	P19							7.235
7	570415	Hoàng Đức Thiện	29/09/2006	A11	P19							7.232
8	570387	Bùi Duy Thái	27/10/2006	A11	P19							7.215
9	570067	Phan Thị Mai Chi	15/01/2006	A7	P19							7.210
10	570051	Phạm Ngọc Ánh	28/12/2006	A10	P19							7.203
11	570264	Trần Xuân Mai	28/11/2006	A7	P19							7.168
12	570247	Nguyễn Hải Long	26/08/2006	A7	P19							7.153
13	570031	Nguyễn Thị Phương Anh	29/01/2006	A10	P19							7.145
14	570241	Vũ Thị Linh	26/09/2006	A9	P19							7.073
15	570211	Dương Thị Lan	20/01/2006	A7	P19							7.025
16	570410	Phan Thị Thu Thảo	06/03/2006	A11	P19							7.017
17	570383	Phạm Tuấn Tài	12/01/2006	A11	P19							6.960
18	570251	Nguyễn Ngọc Luân	14/06/2006	A7	P19							6.958
19	570087	Trần Phương Duy	03/08/2006	A9	P19							6.915
20	570408	Phạm Hương Thảo	06/02/2006	A10	P19							6.893
21	570061	Nguyễn Thanh Bình	21/01/2006	A7	P19							6.862
22	570421	Nguyễn Huy Thuận	28/11/2006	A10	P19							6.782
23	570196	Nguyễn Thị Hương	17/06/2006	A7	P19							6.757

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023



KT HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

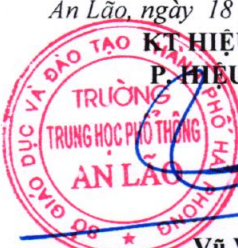
KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570049	Nguyễn Ngọc Ánh	27/05/2006	A10	P20							6.678
2	570065	Phạm Đình Khánh Chi	19/11/2006	A10	P20							6.678
3	570192	Nguyễn Quang Hưng	06/08/2006	A7	P20							6.678
4	570222	Nguyễn Ngọc Linh	08/04/2006	A7	P20							6.520
5	570019	Ngô Lan Anh	27/09/2006	A11	P20							6.515
6	570425	Phạm Lâm Thúy	31/03/2006	A11	P20							6.365
7	570403	Nguyễn Phương Thảo	15/08/2006	A8	P20							6.202
8	570024	Nguyễn Lâm Anh	19/08/2006	A11	P20							6.048
9	570159	Trần Minh Hiếu	02/02/2006	A11	P20							5.940
10	570042	Trần Quỳnh Anh	16/12/2006	A11	P20							5.845
11	570394	Phùng Văn Thanh	04/11/2006	A7	P20							5.768
12	570153	Hoàng Trung Hiếu	04/07/2006	A11	P20							5.550
13	570478	Hoàng Tri Vũ	20/05/2006	A11	P20							5.103
14	570046	Bùi Thị Ngọc Ánh	11/04/2006	A8	P20							4.907
15	570009	Bùi Thị Phương Anh	30/09/2006	A8	P20							0.000
16	570012	Đỗ Phương Anh	04/07/2006	A11	P20							0.000
17	570016	Lê Thị Lan Anh	10/02/2006	A8	P20							0.000
18	570023	Nguyễn Hoàng Việt Anh	01/01/2006	A9	P20							0.000
19	570026	Nguyễn Phương Anh	23/12/2006	A9	P20							0.000
20	570050	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/06/2006	A8	P20							0.000
21	570059	Phạm Ngọc Bích	07/09/2006	A8	P20							0.000
22	570103	Bùi Thị Thu Đông	14/05/2006	A8	P20							0.000
23	570110	Nguyễn Đỗ Nhất Đức	02/02/2006	A9	P20							0.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.
- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....
Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Đạt

KỲ THI: *Cuối học kỳ I*

- ĐỊA ĐIỂM: *Phòng*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	P.Thi	Mã đề/Số tờ		Môn thi (hs ký tên)				Điểm TB
						Mã đề	Số tờ					
1	570116	Vũ Minh Đức	17/07/2006	A11	P21							0.000
2	570124	Nguyễn Hương Giang	10/11/2006	A7	P21							0.000
3	570140	Phạm Thị Hồng Hạnh	05/07/2006	A10	P21							0.000
4	570145	Trịnh Minh Hằng	02/08/2006	A10	P21							0.000
5	570187	Phạm Thu Huyền	06/02/2006	A8	P21							0.000
6	570258	Nguyễn Ban Mai	06/09/2006	A8	P21							0.000
7	570289	Phạm Thị Quỳnh Nga	20/04/2006	A8	P21							0.000
8	570323	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/02/2006	A7	P21							0.000
9	570329	Nguyễn Thành Ninh	27/06/2006	A9	P21							0.000
10	570342	Nguyễn Hoàng Lan Phương	12/05/2006	A8	P21							0.000
11	570351	Lương Hồng Phượng	20/06/2006	A8	P21							0.000
12	570360	Nguyễn Thị Quyên	02/08/2006	A8	P21							0.000
13	570368	Nguyễn Thị Quỳnh	30/03/2006	A9	P21							0.000
14	570371	Nguyễn Thị Như Quỳnh	23/09/2006	A11	P21							0.000
15	570393	Phạm Ngọc Thanh	27/09/2006	A9	P21							0.000
16	570404	Nguyễn Thanh Thảo	27/01/2006	A10	P21							0.000
17	570405	Nguyễn Thị Thu Thảo	07/11/2006	A9	P21							0.000
18	570446	Đỗ Thu Trang	20/04/2006	A9	P21							0.000
19	570457	Đỗ Quỳnh Trâm	22/03/2006	A8	P21							0.000
20	570464	Khúc Cẩm Tú	02/10/2006	A8	P21							0.000
21	570486	Phạm Thị Yến Vy	11/12/2006	A9	P21							0.000
22	570489	Đỗ Thị Hải Yến	11/11/2006	A8	P21							0.000
23	570491	Lương Hải Yến	19/09/2006	A8	P21							0.000

Ghi chú: - Thí sinh vắng, GT gạch chéo tại ô thuộc môn đó.

- Điểm TB là điểm trung bình của 6 môn thi ngồi theo sơ đồ phòng thi của kỳ thi giữa học kỳ I

Giám thị 1:.....

Giám thị 2:.....

An Lão, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Đạt